

Uông Bí, ngày 08 tháng 01 năm 2019

**THƯ MỜI THAM GIA
MUA TL TÀI SẢN, VẬT TƯ, SẮT THÉP PHẾ THẢI
NHÀ MÁY XI MĂNG LAM THẠCH II**

Kính gửi: Các cá nhân/Tổ chức/Doanh nghiệp

Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) có nhu cầu bán thanh lý tài sản là Máy móc thiết bị, vật tư không sử dụng và vật tư thu hồi thuộc Nhà máy xi măng Lam Thạch II tại Khu Hợp Thành, Phường Phương Nam, Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

QNC trân trọng kính mời Quý Công ty/cá nhân có nhu cầu tham gia mua tài sản thanh lý tài sản theo nội dung sau:

1. Các thông tin tài sản :

Tài sản là:

1.1. Lô vật tư máy khoan: bao gồm cần khoan, chuỗi búa, mũi khoan ; hàng mới 100% chưa qua sử dụng, hàng nhập khẩu (Có danh mục chi tiết kèm theo – PL số 01).

1.2. Lô vật tư mới Kho LT II: hiện QNC không có nhu cầu sử dụng, bao gồm vật tư cơ khí, cơ điện, zoăng phốt, van, vòng bi...(Có danh mục chi tiết kèm theo – PL số 02).

1.3. Lô vật tư cơ giới Kho Cơ giới cũ: hàng mới, QNC không có nhu cầu sử dụng (Có danh mục chi tiết kèm theo – PL số 03).

1.4. Lô vật tư thu hồi Kho LT II: đã qua sử dụng, bao gồm bi thải các loại, tấm ghi, ống lồng, sắt phế thải, gạch chịu lửa, băng tải....Khối lượng dự kiến các loại 53 tấn (Có danh mục chi tiết kèm theo – PL số 04).

1.5. Lô thiết bị cơ giới: thiết bị cũ, đã qua sử dụng, bao gồm Xe xúc lật, xe phun nước, xe công nông, máy ủi, xe کیا (Có danh mục chi tiết kèm theo – PL số 05).

Ghi chú: Tất cả các chủng loại vật tư, thiết bị trên được giữ tại Kho vật tư của Công ty.

2. Giá đàm phán:

Bên Mua tự kiểm tra tại hiện trường về hiện trạng của Tài sản bán thanh lý (theo danh mục đính kèm) và lưu ý các thông tin như sau: .

+ Giá chào trên cơ sở giá mà QNC đưa ra là **4.142.361.078** đồng, chưa bao gồm thuế VAT 10%. Giá này được tính cho cả Lô thiết bị, vật tư nêu tại Mục I.

+ Bên mua được quyền khảo sát tất cả những tài sản nằm trong danh mục thanh lý (Được nêu tại mục I).

+ Bên Mua không được lựa chọn mua từng lô, QNC bán cho cả Lô theo mục 1.

+ Giao hàng cho bên mua tại kho của Nhà máy (riêng Phụ lục Số 04, QNC giao qua cân). Bên mua tự chịu trách nhiệm bốc xúc, vận chuyển thiết bị ra khỏi nhà máy.

+ Giá bán sẽ bao gồm cả thuế GTGT 10%.

Trên cơ sở đó Bên Mua tự quyết định về giá chào, giá mua thanh lý tài sản với QNC.

2. Hồ sơ tham gia chào giá:

Các tổ chức, cá nhân đăng ký tham dự chào giá gửi hồ sơ về QNC gồm:

- + Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh thư nhân dân (nếu là cá nhân);
- + Giấy đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức kinh tế tham gia chào giá (giấy pho tô công chứng);
- + Thư đăng ký tham dự chào giá (theo mẫu QNC).
- + Giấy giới thiệu hoặc ủy quyền tham dự của người Đại diện theo pháp luật nếu là tổ chức.
- + Giấy nộp tiền đặt cọc cho QNC (Phiếu thu hoặc Ủy nhiệm chi thành công của Ngân hàng về tài khoản của QNC).

3. Tiền đặt cọc

- + Đơn vị/cá nhân có nhu cầu tham dự chào giá đặt cọc là **500.000.000 đồng** (Năm trăm triệu đồng) trước 16h30" ngày 15 tháng 01 năm 2019.
- + Các đơn vị/cá nhân lựa chọn hình thức: Nộp bằng tiền mặt tại Phòng Kế toán Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh hoặc chuyển khoản qua ngân hàng vào TK Số **4431 0000 223 887** mở tại **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh**.
- + Tiền đặt cọc được tính đối trừ vào hợp đồng mua bán hoặc được hoàn trả cho cá nhân hoặc tổ chức kinh tế không mua được Tài sản thanh lý trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày chốt biên bản Mở thư chào giá.
- + QNC không hoàn trả tiền đặt cọc nếu Tổ chức hoặc cá nhân đã trúng mua trong thời gian 05 ngày không đến làm thủ tục mua bán theo Thông báo của QNC.

5. Nộp hồ sơ tham dự chào giá:

- + Thời hạn nộp hồ sơ tham dự chào giá: Trước 16h30 ngày 15/01/2019;
- + Địa chỉ nhận hồ sơ chào giá: Ban Đầu tư chiến lược, Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh; phường Phương Nam, Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (Tel: Bà Đinh Hoàng Anh 0908.958.666).

6. Hồ sơ hợp lệ:

- + Nộp đúng theo thời gian quy định và thành phần hồ sơ theo Mục 3.
- + Nộp tiền đặt cọc đầy đủ.

7. Thời gian mở thư chào giá:

- + Thời gian vào hồi 9h ngày 16 tháng 01 năm 2019.
- + Mọi thông tin cần tìm hiểu xin liên hệ với:
 - ✓ Ông Nguyễn Trường Giang - Tel 0913.263 422 Trưởng Ban TLTS Công ty.
 - ✓ Ông Nguyễn Đức Bang – Tel 0903.255 337 (liên hệ xem thiết bị, vật tư)
 - ✓ Bà Đinh Hoàng Anh - Tel 0908.958.666- Thư lý Ban TLTS Công ty (liên hệ về mặt hồ sơ).

QNC mong nhận được sự quan tâm tham dự và trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng TCKT, BTL;
- Lưu VP.



Tô Ngọc Hoàng

....., ngày... tháng ... năm 2018

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM DỰ CHÀO GIÁ MUA
THANH LÝ TÀI SẢN, VẬT TƯ, SẮT THÉP PHẾ THẢI
CỦA NMXM LAM THẠCH II**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Căn cứ thư mời số: /TM-QNC, ngày 08/01/2019 về việc chào giá bán thanh lý tài sản là máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, sắt thép phế thải của Nhà máy xi măng Lam Thạch II – Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại Khu Hợp Thành, phường Phương Nam, Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

(Cá nhân/tổ chức)..... xin đăng ký tham dự chào giá mua thanh lý tài sản theo hiện trạng của Nhà máy xi măng Lam Thạch II tại Khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh với nội dung sau:

1. Thông tin đơn vị/cá nhân đăng ký mua thanh lý vật tư tài sản :

Tôi tên là:.....
Ngày/tháng/năm sinh:.....
Đại chỉ thường trú:.....
Số CMND/thẻ căn cước.....
Ngày cấp.../.../..... Nơi cấp.....
Đại diện cho đơn vị tham gia chào giá:
.....

2. Thông tin về tài sản đăng lý mua:

Tài sản là Máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, sắt thép phế thải, ...hiện trong kho của Nhà máy xi măng Lam Thạch II.

3. Cam kết: Tôi/chúng tôi đã nghiên cứu rất rõ hiện trạng về tài sản thanh lý của Quý Công ty và xin cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung khác liên quan như trong thư mời chào giá của Công ty.

Kèm theo đơn tham dự chào giá mua thanh lý tài sản của Nhà máy xi măng Lam Thạch II là bản sao chứng thực giấy CMND/ thẻ căn cước của cá nhân/ Giấy đăng ký kinh doanh và hồ sơ liên quan khác đối với tổ chức.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN
THAM GIA CHÀO GIÁ**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng ... năm 2019

PHIẾU CHÀO GIÁ
MUA THANH LÝ TÀI SẢN, VẬT TƯ, SẮT THÉP PHẾ THẢI
NMXM LAM THẠCH II

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Căn cứ thư mời số: /TM-QNC, ngày 08/01/2019 về việc chào giá bán thanh lý tài sản, vật tư phụ tùng, sắt thép phế thải...của Nhà máy xi măng Lam Thạch II – Công ty cổ phần xi măng và xây dựng QN tại Khu Hợp Thành, phường Phương Nam, Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ thư Đăng ký tham dự chào giá của tôi/công ty chúng tôi ngày...../...../2019

(Cá nhân/tổ chức).....sau khi nghiên cứu rất rõ hiện trạng về tài sản và thực hiện đủ các điều kiện theo thư mời.

Tôi/chúng tôi xin chào giá mua thanh lý tài sản, vật tư phụ tùng, sắt thép phế thải của Nhà máy xi măng Lam Thạch II tại Khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh với giá như sau:

1. Giá mua chưa gồm VAT là :.....VNĐ.

Bằng chữ.....

2. Cam kết: Tôi/chúng tôi xin cam kết nếu được lựa chọn mua tài sản trên sẽ thực hiện theo đúng yêu cầu trong thư mời của QNC và tuân thủ theo đúng hợp đồng đã ký kết giữa hai bên và pháp luật của Nhà nước.

Trân trọng !

NGƯỜI LÀM ĐƠN
THAM GIA CHÀO GIÁ
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)



PHỤ LỤC 01
DANH MỤC LÔ VẬT TƯ MÁY KHOAN
(Kèm theo thư mời chào giá Số.....ngày 08/01/2019)

TT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	041006.0001	Cần khoan GT 7610-1137-20	Cái	8	
2	041006.0002	Chuôi búa 7600 - 6014 -02	Cái	4	
3	041006.0003	Mũi khoan 7518 - 5927- S45	Cái	134	
4	041006.0004	Mũi khoan 7518 -5927- S55	Cái	117	
5	041007.0123	Tay biên đồng tốc ZL15	Cái	4	
5 mục chính					

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC LÔ VẬT TƯ KHÔNG SỬ DỤNG
(Kèm theo thư mời chào giá Số.....ngày 08/01/2019)

TT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	041001.0091	Bầu lọc thủy lực - ZL40A-10.6.3B	Cái	10	Kho LT II
2	041001.0092	Bầu lọc thủy lực - ZL40A-10.6.5B	Cái	8	' '
3	041001.0093	Bầu lọc thủy lực - ZL40A-10.6.7B	Cái	10	' '
4	041001.0105	Cao su giăng cầu V 3093630	Cái	4	' '
5	041800.0001	Cao su giảm chấn 62x160x110mm(M nhien lt1)	Cục	100	' '
6	040900.0220	Chốt chẻ van (876-21-01)	Cái	234	' '
7	040900.0223	Chốt khoá (GP119-76)	Cái	20	' '
8	040401.0043	Chế động van cấp 1(876-11-04)	Cái	40	' '
9	040401.0044	Chế động van cấp 1(876-11-05)	Cái	40	' '
10	040401.0045	Chế động van cấp 2(876-12-02)(Hut)	Cái	38	' '
11	040401.0046	Chế động van cấp 2(876-12-04)	Cái	35	' '
12	040401.0047	Chụp chống lỏng động van cấp 1	Bộ	3	' '
13	040401.0048	Chụp chống lỏng động van cấp 2	Bộ	1	' '
14	040401.0049	Chụp chống lỏng 876-51-00	Cái	27	' '
15	040401.0050	Chụp chống lỏng 876-52-00 Xả	Cái	16	' '
16	040401.0051	Chụp chống lỏng động van cấp 1(876-51-02)	Cái	19	' '
17	040501.0032	Gioăng chặn dầu (873.0108-00)	Cái	1	' '
18	040501.0033	Gioăng chặn dầu (873.0399-00)	Cái	1	' '
19	040501.0034	Gioăng chặn dầu (873.0779-00)	Cái	1	' '
20	040501.0035	Gioăng chặn dầu(876-21-08)	Cái	40	' '
21	040501.0036	Gioăng nhôm cấp 1 (876-41-12)	Cái	7	' '
22	040501.0038	Gioăng trục bơm dầu 608-11-03	Cái	10	' '
23	041207.0002	Hoá chất RYOLYME	Lít	10	' '
24	040507.0023	Keo dán tấm nhựa cao phân tử	Kg	36	' '
25	040300.0033	Khớp nối nghiền than cải tiến (gia công)	Bộ	1	' '
26	040400.0008	Lá van (734-41-01)	Cái	10	' '
27	040400.0009	Lá van (734-41-02)	Cái	10	' '
28	040400.0010	Lá van (734-41-03)	Cái	10	' '

TT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
29	040400.0011	Lá van (734-41-04)	Cái	10	' '
30	040400.0012	Lá van (734-41-05)	Cái	10	' '
31	040400.0013	Lá van (734-41-06)	Cái	10	' '
32	040400.0015	Lá van cấp 1 - 153,7/2 INox	cái	94	' '
33	040400.0016	Lá van cấp 1 - 194/172 INox	cái	93	' '
34	040400.0017	Lá van cấp 2Φ 132x2	Cái	26	' '
35	040400.0018	Lắp van cấp 1 (loại to) 608-11-03	Cái	9	' '
36	040400.0019	Lắp van cấp 2 (loại nhỏ) 608-12-03	Cái	9	' '
37	040401.0052	Lắp van và vòng gioăng nhôm cấp 1, 608-41-12 (214/205*0.8)	Bộ	38	' '
38	040401.0053	Lắp van và vòng gioăng nhôm cấp 2, 608-42-09 (139/130*0.8)	Bộ	9	' '
39	041407.0009	Lò xo (876-31-03)	Hộp	100	' '
40	041407.0010	Lò xo (876-41-03)	Hộp	80	' '
41	041407.0011	Lò xo van 1 chiều máy nén khí pít tông	Hộp	100	' '
42	050101.0046	Máy nghiền than	Cái	1	' '
43	040401.0054	Nắp van cấp 1(608-11-03)	Cái	32	' '
44	060102.0001	Phần đầu ống gió ngoài	Bộ	3	' '
45	041700.0009	Sơn nhũ SHSLT 300(SLA300AB21)	Kg	31	' '
46	040100.0069	Tấm cách (876-31-07)	Tấm	20	' '
47	040100.0070	Tấm cách (876-32-00)	Tấm	10	' '
48	040401.0029	Van gió loại nhỏ máy nén khí	Cái	3	' '
49	040401.0030	Van gió loại to máy nén khí	Cái	2	' '
50	040401.0031	Van hút xả khí cấp 1 (876-41-00)	Cái	33	' '
51	040401.0032	Van hút xả khí cấp 1 (876-51-00) xả	Cái	3	' '
52	040401.0033	Van hút xả khí cấp 2 (876-42-00)	Cái	7	' '
53	040401.0034	Van hút xả khí cấp 2 (876-52-00)xả	Cái	87	' '
54	040401.0035	Van hút, xả khí cấp 2	Bộ	1	' '
55	041807.0048	Vòng đổi hướng cấp 1(876-21-04)	Cái	6	' '
56	041807.0049	Vòng đổi hướng cấp 2 (876-22-02)	Cái	35	' '
57	040900.0201	Vòng đệm nhôm F 150/140	Cái	262	' '
58	040900.0202	Vòng đệm nhôm F 215/205	Cái	380	' '
59	040900.0203	Vòng đệm nhôm F 230/220	Cái	123	' '
60	040900.0204	Vòng đệm nhôm F235	Cái	40	' '

TT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
61	040900.0207	Vòng cách (876-31-05)	Cái	20	' '
62	040900.0217	Vòng hãm M18	Cái	34	' '
63	040401.0055	Vòng khoá chặt (876-31-04)	Cái	20	' '
64	040401.0056	Vòng khoá(876-31-04)	Cái	35	' '
65	040401.0057	Vòng lá van + lò xo cấp 1	Bộ	5	' '
66	040401.0058	Vòng lá van cấp 1(876-41-011)	Cái	30	' '
67	040401.0059	Vòng lá van cấp 1(876-41-05)	Cái	30	' '
68	040401.0060	Vòng lá van cấp 1(876-41-07)	Cái	40	' '
69	040401.0061	Vòng lá van cấp 1(876-41-09)	Cái	40	' '
70	040401.0062	Vòng lá van cấp 2 (876-42-04)	Cái	30	' '
71	040401.0063	Vòng lá van cấp 2 (876-42-06)	Cái	30	' '
72	040401.0064	Vòng lá van cấp 2 (876-42-08)	Cái	15	' '
73	040500.0141	Vòng nỉ 52	Vòng	10	' '
74	040500.0142	Vòng nỉ 65	Vòng	6	' '
75	040500.0143	Vòng nỉ 23x29x5	Vòng	6	' '
76	040500.0144	Vòng nỉ 37x53x6	Vòng	6	' '
77	040500.0145	Vòng quét	Vòng	1	' '
78	040507.0021	Vòng xéc măng cấp 1(876-21-03)	Cái	7	' '
79	040507.0022	Vòng xéc măng cấp 2(876-22-01)	Cái	28	' '
80	040200.0001	Bạc đồng LS250	Cái	27	Kho Hà tu cũ
81	041400.0026	Túi lọc bụi 115x1300	Cái	205	' '
82	041400.0027	Túi lọc bụi 125x1500	Cái	30	' '
83	040207.0099	Gối treo vít tải LS315	Bộ	6	' '
84	040207.0100	Gối treo vít tải LS315 (gối+trục)	Bộ	6	' '
85	040207.0101	Gối treo vít tải LS350	Bộ	4	' '
86	050101.0053	Cổ góp động cơ 245-380	Cái	1	' '
87	050501.0054	Bộ điều chỉnh DZT2	Cái	5	' '
87 mục chính					' '

PHỤ LỤC 03
DANH MỤC LÔ VẬT TƯ CƠ GIỚI
(Kèm theo thư mời chào giá Số.....ngày 08/01/2019)

TT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	040900.0282	Bu lông cắt M32x70	Bộ	33.00	
2	040302.0043	Dây cu roa 8PK 1420	sợi	1.00	
3	040302.0044	Dây cu roa 8PKX 1400	sợi	2.00	
4	040307.0026	Dây cu roa 1290	sợi	1.00	
5	040307.0027	Dây cu roa 4FM9610	sợi	3.00	
6	040307.0028	Dây cu roa 4M - 5429	sợi	2.00	
7	040307.0029	Dây cu roa 4N-6529	sợi	2.00	
8	040307.0030	Dây cu roa 8290	sợi	1.00	
9	040307.0031	Dây cu roa 9620	sợi	6.00	
10	040307.0032	Dây cu roa 9630	sợi	14.00	
11	040307.0033	Dây cu roa MF 1520	sợi	1.00	
12	040307.0034	Dây cu roa MF 8750	sợi	1.00	
13	040307.0035	Dây cu roa MF 9560	sợi	2.00	
14	040307.0036	Dây cu roa MF 9750	sợi	1.00	
15	040900.0343	Ê cu M32	Cái	26.00	
16	041000.0002	Diệp cày D8 (12kg/cái)	Kg	12.00	
17	041000.0003	Diệp cày D9 (40kg/cái)	Kg	40.00	
18	041004.0009	Bạc Balie Kia	Bộ	2.00	
19	041004.0010	Bạc biên Kia	Bộ	1.00	
20	041007.0002	Bát phanh Kamát	Cái	7.00	
21	041007.0003	Bạc 114-0761-X	Cái	1.00	
22	041007.0004	Bạc 137-2818	Cái	1.00	
23	041007.0005	Bạc cát 713287	Cái	2.00	
24	041007.0006	Bạc tay gầu 7 Y - 3552 - H	Tấm	2.00	
25	041007.0007	Ba tanh 750	Tấm	2.00	
26	041007.0008	Ba tanh D85	Tấm	2.00	
27	041007.0009	Bộ zoăng mặt máy Kia (cũ)	Bộ	1.00	
28	041007.0010	Cao su giảm chấn ka bin Kia	Cái	2.00	

TT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
29	041007.0011	Đĩa phanh 8P-4316	Cái	1.00	
30	041007.0012	Giảm chấn đỡ chân máy 109-9446	Cái	2.00	
31	041007.0013	Khớp nối toa quay máy san	Cái	1.00	
32	041007.0014	Lọc 0-5603	Cái	3.00	
33	041007.0015	Lọc 0-7157T	Cái	1.00	
34	041007.0016	Lọc 110-6331	Cái	5.00	
35	041007.0017	Lọc 151-0240	Cái	3.00	
36	041007.0018	Lọc 1P2299	Cái	1.00	
37	041007.0019	Lọc 1R-0739	Cái	2.00	
38	041007.0020	Lọc 209-60-77531	Cái	2.00	
39	041007.0021	Lọc 285-62-17320	Cái	2.00	
40	041007.0022	Lọc 552055	Cái	3.00	
41	041007.0023	Lọc 552073	Cái	2.00	
42	041007.0024	Lọc 552075	Cái	5.00	
43	041007.0025	Lọc 554073	Cái	2.00	
44	041007.0026	Lọc 6I-2504	Cái	2.00	
45	041007.0027	Lọc 69M-2341	Cái	2.00	
46	041007.0028	Lọc 69M-2342	Cái	3.00	
47	041007.0029	Lọc AF 1905	Bộ	4.00	
48	041007.0030	Lọc AF 1905 (Lọc thô)	Cái	8.00	
49	041007.0031	Lọc AF -25468	Cái	3.00	
50	041007.0032	Lọc AF -25627 (Tinh + thô)	Bộ	2.00	
51	041007.0033	Lọc AF -25627 (Lọc thô)	Cái	1.00	
52	041007.0034	Lọc cát 1006326	Cái	2.00	
53	041007.0035	Lọc cát 1R-0721	Cái	4.00	
54	041007.0036	Lọc cát 1R-0741	Cái	9.00	
55	041007.0037	Lọc cát 1R-0711	Cái	3.00	
56	041007.0038	Lọc cát 1R-0732	Cái	8.00	
57	041007.0039	Lọc cát 9R-2341	Cái	5.00	
58	041007.0040	Lọc F-1007	Cái	2.00	
59	041007.0041	Lọc FF-7269	Cái	1.00	
60	041007.0042	Lọc FF-5253	Cái	5.00	

TT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
61	041007.0043	Lọc FS-1006	Cái	7.00	
62	041007.0044	Lọc gió tinh 750 P 777869	Cái	1.00	
63	041007.0045	Lọc HF 6083	Cái	2.00	
64	041007.0046	Lọc HF 6084	Cái	5.00	
65	041007.0047	Lọc HF 6356	Cái	8.00	
66	041007.0048	Lọc HKF 0005	Cái	3.00	
67	041007.0049	Lọc LF 202	Cái	10.00	
68	041007.0050	Lọc LF 9000	Cái	5.00	
69	041007.0051	Lọc nhiên liệu ka mat 13528400	Cái	2.00	
70	041007.0052	Lọc P 181070	Bộ	3.00	
71	041007.0053	Lọc P 550084S	Cái	12.00	
72	041007.0054	Lọc P 550087	Cái	1.00	
73	041007.0055	Lọc P 551712	Cái	1.00	
74	041007.0056	Lọc P 552341	Cái	1.00	
75	041007.0057	Lọc P 55461	Cái	1.00	
76	041007.0058	Lọc P 558600	Cái	5.00	
77	041007.0059	Lọc P 762921	Cái	2.00	
78	041007.0060	Lọc P 181124	Bộ	2.00	
79	041007.0061	Lọc P 550485	Cái	4.00	
80	041007.0062	Lọc P 550750	Cái	9.00	
81	041007.0063	Lọc P 551313	Cái	4.00	
82	041007.0064	Lọc P 553000	Cái	7.00	
83	041007.0065	Lọc P 557380	Cái	4.00	
84	041007.0066	Lọc P 559740	Cái	11.00	
85	041007.0067	Lọc thô AF - 1805M	Cái	2.00	
86	041007.0068	Lọc thô AF - 1805M	Bộ	3.00	
87	041007.0069	Lọc tinh D85+MG 500 (AF-1904)	Cái	18.00	
88	041007.0070	Lọc Volvô 00840	Cái	3.00	
89	041007.0071	Lọc WF 2055	Cái	10.00	
90	041007.0072	Lọc X 006247	Bộ	2.00	
91	041007.0073	Lưỡi góc D9 (12tấm)	Kg	822.00	
92	041007.0074	Lưỡi góc máy san (27 tấm)	Kg	289.00	

TT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
93	041007.0075	Lưỡi lam D8L (10 tấm)	Kg	868.00	
94	041007.0076	Lưỡi lam D9	Kg	85.00	
95	041007.0077	Lưỡi lam D9 (5 tấm)	Kg	489.00	
96	041007.0079	Má phanh HD (trước)	Mảnh	3.00	
97	041007.0080	Má phanh HD (sau)	Mảnh	24.00	
98	041007.0081	Mũi cày D 8L (14kg/cái)	Kg	140.00	
99	041007.0082	Mũi cày D9 (35kg/cái)	Kg	385.00	
100	041007.0083	Phốt AH 4399	Cái	1.00	
101	041007.0084	Phốt chặn mỡ	Cái	2.00	
102	041007.0085	Phốt ga lê	Cái	1.00	
103	041007.0086	Phốt ra vào tay cần	Bộ	1.00	
104	041007.0087	Phốt tăng xích	Bộ	1.00	
105	041007.0088	Phốt tay gầu máy xúc	Bộ	1.00	
106	041007.0089	Phốt trục cân bằng 8T - 0208	Cái	1.00	
107	041007.0090	Phốt đuôi trục cơ 4-W-425	Cái	1.00	
108	041007.0091	Phốt 00600	Cái	2.00	
109	041007.0092	Phốt 4J-7376	Cái	2.00	
110	041007.0093	Phốt 5J-5559	Cái	2.00	
111	041007.0094	Phốt 6151-21-4150S	Cái	1.00	
112	041007.0095	Phốt 6Y-6785-X	Cái	1.00	
113	041007.0096	Phốt 9X- 4598X	Cái	2.00	
114	041007.0097	Phốt cát 2M - 5173	Cái	4.00	
115	041007.0098	Phốt 1106477	Cái	2.00	
116	041007.0099	Phốt 128 - 9266 - X	Cái	1.00	
117	041007.0100	Phốt 240 X 378	Cái	1.00	
118	041007.0101	Phốt 5J 5559	Bộ	1.00	
119	041007.0102	Phốt 5M 6709	Bộ	1.00	
120	041007.0103	Phốt 7Y - 4941 - X	Cái	1.00	
121	041007.0104	Phốt 9X - 4597 - X	Cái	2.00	
122	041007.0105	Phốt chỉ D773100	Cái	1.00	
123	041007.0106	Phốt gale cát 109-08-85-X	Cái	6.00	
124	041007.0107	Phốt nghiêng ben D85	Bộ	1.00	

TT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
125	041007.0108	Phốt tiện màu xanh	Cái	4.00	
126	041007.0109	Phốt tiện nghiêng ben D85	Cái	4.00	
127	041007.0110	Pít tông 6211-31-2111	Cái	6.00	
128	041007.0111	Pít tông Kia	Cái	4.00	
129	041007.0112	Si lanh Kia	Cái	4.00	
130	041007.0113	Ty ô phanh kamat L=0.7m	Sợi	1.00	
131	041007.0114	Vòng bi chữ thập Kamat	Cái	1.00	
132	041007.0115	Vòng bi chữ thập Kia	Cái	2.00	
133	041007.0116	Vòng bi tỷ TAG 47001	Cái	2.00	
134	041007.0117	Vòng xéc măng 8N-2729	Cái	1.00	
135	041007.0118	Vòng xéc măng 8N-2730	Cái	2.00	
136	041007.0119	Xăm 1400-24	Cái	7.00	
137	041007.0120	Xăm 1800-33	Cái	1.00	
138	041007.0121	Xéc măng Kia	Bộ	1.00	
139	041007.0122	Zoăng quy nát 8M-2972 D9H	Cái	1.00	
139 mục chính					

PHỤ LỤC 04
DANH MỤC LÔ VẬT TƯ THU HỒI
(Kèm theo thư mời chào giá Số.....ngày 08/01/2019)

TT	Tên vật tư	ĐVT	Khối lượng dự kiến	Ghi chú
1	Bi thải loại	Kg	10,000	Giao theo KL
2	Tấm ghi làm nguội	Kg	2,000	Giao theo KL
3	Ông lồng C4 + C5	Kg	1,000	Giao theo KL
4	Sắt thép phế loại	Kg	20,000	Giao theo KL
5	Vỏ thùng phi	Cái	100	Giao theo KL
6	Vải máng khí động + Túi lọc bụi	Kg	2,000	Giao theo KL
7	Vỏ bao rách, vỡ	Vỏ	3,000	Giao theo KL
8	Bảng tải thu hồi	Kg	5,000	Giao theo KL
9	Gạch thu hồi thải loại	Kg	10,000	Giao theo KL
	09 mục chính			

PHỤ LỤC 05
DANH MỤC LÔ THIẾT BỊ CƠ GIỚI
(Kèm theo thư mời chào giá Số.....ngày 08/01/2019)

TT	Mã vật tư	Tên vật tư, hàng hóa	ĐVT	SL	Ghi chú
1	84.00.05	Xe xúc lật số 5- ZL50C	Cái	1	
2	84.00.06	Xe xúc lật số 6-LW500F	Cái	1	
3	84.00.10	Máy xúc đào PC200-6	Cái	1	Nhận từ CTy Phương Mai tháng 8/2017
4	84.00.14	Xe phun nước Dongfeng	Cái	1	Nhận từ XN đá UB tháng 3/2017
5	84.00.....	Xe công nông	Cái	1	Nhận từ Đội cảng tháng 3/2018
6	84.00.....	Máy ủi D53	Cái	1	Nhận từ Đội cơ giới tháng 4/2014
7	84.00.15	Xe tải 1 tấn Kia 14C-048.51	Cái	1	Nhận từ Đội cơ giới 2015
Cộng 07 mục chính					